

BA số 37/2020/DS-ST
Ngày 23 / 6 / 2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
góp họ*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tám

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Minh Tuấn

2. Ông Danh Riêng

- *Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Cán bộ

Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G:* Không tham gia.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2020/TLST-DS, ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp họ*” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐST-DS, ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông L, sinh năm: 1935 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- *Bị đơn:* Chị H, sinh năm: 1961 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông L trình bày:* Vào ngày 16 tháng 01 năm 2013 âm lịch, cháu H có tham gia chơi 01 dây hụi mùa do tôi làm chủ dây hụi 5.000.000đồng, 01 năm xổ 03 lần, có 15 hụi viên tham gia, cháu H đã đóng đến lần thứ 5 thì cháu H hốt được 42.900.000đồng, sau khi hốt cháu H có đóng lại được 03 lần hụi chết, đến vụ giữa năm 2015 thì cháu H chỉ đóng có 3.000.000đồng rồi ngưng, còn thiếu lại 2.000.000đồng và từ đó đến nay cháu H không đóng nữa. Như vậy, cháu H còn nợ lại tôi 02 lần hụi chết chưa đóng. Nay tôi yêu cầu cháu H phải trả cho tôi 02 lần hụi chết bằng 10.000.000đồng và tiền nợ hụi củ 2.000.000đồng cộng chung 12.000.000đồng.

* Bị đơn, chị H trình bày như sau: Tôi thừa nhận trước đây có tham gia dây hụi mùa do ông L làm chủ và lời trình bày của ông L trong quá trình tham gia chơi hụi là không đúng. Hiện nay tôi còn thiếu ông L 2 lần hụi chết là 4.600.000đồng vì kết quả mỗi lần xổ hụi nếu kêu 2.700.000đồng thì hụi viên đóng 2.300.000đồng. Do đó, nay tôi chỉ đóng tiền góp vào là 2.300.000đồng chứ không đồng ý đóng hụi chết, còn số tiền 2.000.000đồng là tôi không có nợ vì tôi đã đóng quá nhiều so với số tiền góp vào, hơn nữa dây hụi này bị bể là do ông L không khai hụi. Tôi đồng ý trả cho ông L 4.600.000đồng và xin trả làm 02 vụ lúa Đông xuân năm 2021 và 2022)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng góp họ*” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án nhưng không đem lại kết quả.

- Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự giữ nguyên yêu cầu.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là hụi (họ) mùa, dây hụi này là 5.000.000đồng có tất cả 15 thành viên tham gia do ông L làm chủ. Theo lời trình bày của ông L thì sau khi hốt hụi chị H có đóng lại được 03 lần hụi chết và đến vụ giữa năm 2015 thì chị H chỉ đóng có 3.000.000đồng. Nay chị H còn nợ 02 lần hụi chết bằng 10.000.000đồng và 2.000.000đồng của lần hốt hụi vụ giữa năm 2015, còn chị H cũng thừa nhận còn nợ 02 lần hụi chết nhưng chỉ đồng ý hoàn trả lại cho ông L số tiền mà chị đã góp vào là 2.300.000đồng/lần x 2 lần = 4.6000.000đồng, còn số tiền 2.000.000đồng của lần hốt hụi giữa năm 2015 thì chị đã góp 3.000.000đồng, nếu trừ đi 2.300.000đồng mà chị H phải góp thì thừa 700.000đồng nhưng phần này chị H không yêu cầu.

- Xét thấy, theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ quy định về Họ, Hụi, Biều, Phường (gọi chung là họ) về lãi suất trong họ có lãi và lãi suất trong trường hợp chậm góp, chậm giao phần họ; Đồng thời theo quy định tại Điều 24 của Nghị định trên thì trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ họ như sau:

- Hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay cho thành viên.

- Trả lãi đối với số tiền chậm góp họ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này.

- Chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây họ có thỏa thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật dân sự.

- Bồi thường thiệt hại (nếu có).

Đối chiếu theo quy định của Nghị định trên thì yêu cầu của ông L là có căn cứ. Tuy nhiên, trong dây họ (họ) mùa này chưa hết kỳ mần hội nhưng đã ngưng khai là có lỗi của chủ họ, việc ông L không báo trước cho hội viên biết là dỡ hội là thiếu sót nên việc yêu cầu chị H phải trưng đủ bằng hội chết là không phù hợp, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H là hoàn trả lại số tiền thực tế đã góp là 2.300.000đồng trên mỗi lần mở họ là phù hợp.

Đối với số tiền 2.000.000đồng mà chị H còn nợ ở lần hội hót từ giữa vụ năm 2015. Do chị H chưa hay hội bể nên chị H đã đóng 5.000.000đồng nhưng tại thời điểm này thực tế họ đã bị vỡ nghĩ nên chấp nhận cho chị H phải góp cho ông L là 2.300.000đồng là phù hợp. Phần thừa (3.000.000đ - 2.300.000đ) là 700.000đồng) chị H không yêu cầu, nghĩ nên miễn xét.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của ông L đối với chị H, xử buộc chị H phải trả cho ông L 4.600.000đ (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đ-ơng sự, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự, kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi t-ơng ứng đối với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Đối với yêu cầu của chị H là xin được trả dần số tiền nợ cho ông L nhưng không được ông L chấp nhận nên không có cơ sở để xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án cụ thể như sau:

- Ông L lẽ ra phải chịu khoản tiền do yêu cầu không được chấp nhận là $(12.000.000đ - 4.600.000đ) = 7.400.000đ \times 5\% = 370.000đ$ (ba trăm bảy chục nghìn đồng) nhưng do ông L không thuộc trường hợp phải chịu tạm ứng án phí và án phí, nghĩ nên xử hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003209, ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Xử buộc chị H phải chịu án phí có giá ngạch 5%: $4.600.000đ \times 5\% = 230.000đ$ (hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 357 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 22 và Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ quy định về Hộ, Hui, Biều, Phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp họ*” đối với chị H.

2. Xử: Buộc chị H phải trả cho ông L số tiền 4.600.000đ (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi t-ong ứng đối với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí:

- Xử hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003209, ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Xử buộc chị H phải chịu án phí có giá ngạch 5%: $4.600.000đ \times 5\% = 230.000đ$ (hai trăm ba mươi nghìn đồng).

- Báo cho các đương sự đ-ọc biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 23 tháng 6 năm 2020.

Tr-ởng hợp bản án, quyết định đ-ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ọc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị c-ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ-ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện GR;
- Chi cục thi hành án GR;
- UBND xã, thị trấn;
- Đương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

LÊ VĂN TÁM